

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 69/2017/HSST

Ngày: 22-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Minh Tùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Hải**

Ông **Nguyễn Viết Thanh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lê Thị Thủy Tiên** – Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa:
Ông **Huỳnh Hữu Nghi** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao
Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ
lý số 69/2017/ HSST ngày 29-8-2017 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Phạm Minh H.**

- Sinh năm 1985.

- Nơi ĐKHH TT: khóm P, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Chỗ ở: số 160, đường Đ, khóm P, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng
Tháp

- Nghề nghiệp: mua bán xe;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Trình độ học vấn: 12/12;

- Họ và tên cha: Phạm Văn C, sinh năm 1950.

- Họ và tên mẹ: Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1961.

- Vợ: Trần Thị Thu N, sinh năm 1988.

- Gia đình có 03 anh, chị em bị can là con thứ hai trong gia đình.

- Tiền sự; tiền án: Chưa có.

- Tạm giữ: 22-12-2016;

- Tạm giam: 30-12-2016;

Hiện nay bị can đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố C và
có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 4, khóm 30, phường 14, thành phố C, Đồng Tháp.

NHẬN THẤY

Bị cáo Phạm Minh H bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào lúc 18 giờ ngày 21-12-2016, Trần Thị Kim N, sinh năm 1994, ngụ ấp M, xã L, huyện CL, Đồng Tháp sử dụng số điện thoại 0921237334 điện thoại đến số 0949445677 cho Phạm Minh H, sinh năm 1985, khóm P, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp đề hỏi mua ma túy đá. N nói “anh H lấy em nữa hộp” tức 2.500.000 đồng ma túy đá, H đồng ý và hỏi N ở đâu để giao ma túy đá, N nói đang ở phòng trọ số 09 nhà trọ Trường P, số A1, đường A, khóm 15, phường 12, thành phố C. H kêu N ở đó để H đem ma túy ra giao cho N. Khoảng 20 phút sau, H điều khiển Yamaha Exciter biển số 66L1-353.46 đến trước cửa nhà trọ điện thoại cho N ra lấy ma túy, N hỏi ma túy đâu thì H yêu cầu N đưa tiền trước nên N nói để vào nhà trọ cầm cổ điện thoại lấy tiền đưa H. Lúc này, H ném 01 hộp nhựa tròn, màu trắng có nắp đậy, có chữ PV XOANG bên trong có 01 bịch nylon hàn kín chứa ma túy đá cách xe 7,40m. Ngay lúc này, công an tỉnh Đồng Tháp bắt quả tang H cùng tang vật thu giữ: tiền Việt Nam 8.800.000 đồng (niêm phong ký hiệu A1); 01 điện thoại di động Nokia 8600, màu đen và 01 Iphone 6Plus màu trắng có sim 0949445677 (niêm phong ký hiệu A2); 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 66P1-693.76 tên Đinh Tiên H; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 66P1-094.33 tên Mai Hồng Nguyệt T; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 66F1-353.46 tên Nguyễn Văn D; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 66P1-423.23 tên Bùi Thị Ánh Nt; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 66P1-351.19 tên Quách L; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 66G1-199.11 tên Lê Công T; 01 xe mô tô hiệu Eciter màu đỏ- trắng, biển số 66L1-353.46, số máy G3D4E098391, số khung 0610FY087031; 01 hộp nhựa tròn chữ PV XOANG bên trong có 01 bịch nylon hàn kín có chứa tinh thể rắn màu trắng (niêm phong ký hiệu A4). Thu của Trần Thị Kim N 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu hồng cùng sim số 0921237334 (niêm phong ký hiệu A3).

Tiến hành khám xét tại nhà Phạm Minh H, số 160, đường Đ, khóm P, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp thu giữ: 01 bịch nylon màu trắng được hàn kín, bên trong có chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng để trong gốc cây mai của H (niêm phong có chữ ký của H và người chứng kiến Lê Bé T); 01 cây cồng số 8 bằng kim loại màu trắng và 02 chìa khóa; 02 bộ dụng cụ tự chế bằng thủy tinh để sử dụng ma túy.

Tại Kết luận giám định số 755/KL-KTHS ngày 26-12-2016 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận:

Tinh thể rắn có trọng lượng 2,4400 gram chứa trong 01 bịch nylon hàn kín được niêm phong trong phong bì ký hiệu A4 gửi đến giám định có Methamphetamine.

Tinh thể rắn có trọng lượng 0,2039gram chứa trong 1 bịch nylon hàn kín được niêm phong trong phong bì (có chữ ký của Hùng và người chứng kiến Lê Bé Tám) gửi đến giám định có Methamphetamine.

Niêm phong chất ma túy còn lại sau giám định trong 2 phong bì với các ký hiệu 755/1, 755/2 cùng ngày 26-12-2016.

Qua điều tra, đã xác định Phạm Minh H còn nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất túy cụ thể như sau:

Lần 1: khoảng 21 giờ ngày 12-12-2016, Trần Thị Kim N sử dụng số điện thoại 0921237334 điện thoại cho H (số 0919667757) hỏi mua “ anh H ơi có hàng không bán cho em 1 gốc tám” tức là mua gốc tám ma túy đá, H đồng ý bán và nói giá 1.000.000đồng, N đồng ý mua. H kêu N đến nhà H giao dịch. Đến nơi, H kêu N ngồi ghế đơi, H lên lầu lấy 01 phần ma túy để trong bịch nylon hàn kín 02 đầu xuống giao cho N, sau đó N đưa lại H 1.000.000đồng và đem phần ma túy đá về nhà sử dụng hết.

Lần 2: khoảng 17 giờ 19-12-2016, N đang uống cà phê cùng Nguyễn Văn T, sinh năm 1979, ngụ ấp 1, xã M, thành phố C tại Sắc Hồng, đường Điện Biên Phủ, phường M, thành phố C hùn tiền mua ma túy sử dụng, mỗi người hùn 500.000đồng, được 1.000.000đồng. sau đó, N điện thoại cho H số 0949445677 hỏi mua “ 1 gốc tám ma túy đá” trị giá 1.000.000đồng, H đồng ý bán và kêu N qua nhà giao dịch. T chở N đến nhà H đứng phía trước nhà đơi, N vào nhà gặp H lấy 01 phần ma túy để trong bịch nylon hàn kín 02 đầu, N đưa lại 1.000.000đồng cho H. Sau đó, mang phần ma túy về quán cà phê Sắc Hồng cùng T sử dụng $\frac{1}{2}$ phần ma túy đá, phần còn lại N bỏ áo túi áo khoác thì bị công an thành phố Cao Lãnh kiểm tra thu giữ của N 01 bịch nylon màu trắng hàn kín 02 đầu, bên trong có tinh thể rắn màu trắng (niêm phong ký hiệu A1, có chữ ký của N và chứng kiến Nguyễn Phước H); 01 điện thoại Mobell màu đỏ, cùng sim số 0921237334 (niêm phong ký hiệu A2).

Tại Kết luận giám định số 750/KL-KTHS ngày 26-12-2016 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận:

Tinh thể rắn có trọng lượng 0,1332 gram chứa trong 01 bịch nylon hàn kín được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1 gửi đến giám định có Methamphetamine. Niêm phong lại trong phong bì có ký hiệu 750 ngày 26-12-2016.

Như vậy, tổng cộng H đã bán cho N 03 lần với 03 phần ma túy đá (Nguyễn Văn T hùn lần 2), thu được 2.000.000đồng, trong đó lần 3 khi chưa mua bán xong thì bị bắt quả tang.

Lần 3: vào khoảng 19 giờ tháng 5-2016 (không rõ ngày), Nguyễn Trọng N, sinh năm 1985, ngụ số 40/3, đường N, phường 3, thành phố C uống cà phê với Phạm Minh H tại quán Sumo, thuộc phường 3, thành phố C. H nói có phần ma túy nếu N mua lại sẽ bán giá 300.000đồng. N đồng ý đưa 300.000đồng và nhận lại phần ma túy đá từ H mang về nhà sử dụng hết.

Lần 4: khoảng 21 giờ tháng 11-2016, Hồ Văn S, sinh năm 1976, ngụ tổ 2, ấp 3, xã M, thành phố C điện thoại cho H hỏi mua “ nửa hộp năm” tương đương 2.500.000đồng và nói đem qua nhà S giao dịch, H đồng ý. H đồng ý và đem phần ma túy đá để trong gói thuốc lá hiệu Jet đưa cho S, đồng thời nhận lại 2.500.000đồng. S sử dụng số ma túy này nhiều lần đến hết.

Lần 5: khoảng 24 giờ ngày 29-11-2016, S tiếp tục điện thoại cho H hỏi mua “ nửa hộp 5” tương đương giá 2.500.000đồng, H đồng ý và hẹn giao dịch tại cầu Sắt Vĩ, lộ H, phường T, thành phố C. Khoảng 20 phút sau, S đến cầu Sắt

Vĩ gặp H, S đưa cho H 2.400.000đồng, H đưa lại cho Sơn “ một góc tư ma túy” tương đương 1.250.000đồng và nói do trước đó S thiếu 1.250.000đồng, H đưa phần ma túy đá để trong gói thuốc Jet cho S. Có được ma túy, S mang về nhà sử dụng hết.

Như vậy, H đã bán cho S 02 lần với 02 phần ma túy, thu số tiền 4.900.000đồng.

Ngoài ra, S khai nhận đã mua của H khoảng 5-6 lần ma túy, mỗi lần 2.500.000đồng để sử dụng.

Lần 6: vào khoảng tháng 8-2016, Phạm Băng S, sinh năm 1980, ngụ ấp A, xã B, huyện CL, Đồng Tháp điện thoại cho H hỏi mua 900.000đồng ma túy đá, H đồng ý và kêu S đến nhà giao dịch. Lúc sau, S đến nhà H đưa 900.000đồng, H chỉ gói thuốc lá Jet phía trước cổng bên trong có ma túy cho S. S ra lấy gói thuốc mở ra thấy có phần ma túy đá để trong bịch nylon mang về nhà sử dụng hết.

Như vậy, H đã bán cho Băng S 01 lần với 01 phần ma túy, thu số tiền 900.000đồng.

Lần 7: vào khoảng tháng 6-2016, Nguyễn Lê Thanh T, sinh năm 1996, ngụ số 64, đường Đ, khóm 8, phường 4, thành phố C điện thoại cho H (số 0949445677) hỏi mua phần ma túy đá trị giá 500.000đồng. Một lúc sau, H điện thoại lại nói đã đưa phần ma túy cho H (không rõ nhân thân) mang xuống nhà cho T. Lúc sau, H mang phần ma túy xuống đưa cho T và nhận lại 500.000đồng về đưa lại cho H. T mang phần ma túy này sử dụng hết.

Như vậy, H đã bán cho T 01 lần với 01 phần ma túy, thu số tiền 500.000đồng

Lần 8: khoảng tháng 12-2015 (không rõ ngày), Lê Tấn H, sinh năm 1995, ngụ tổ 36, khóm 8, phường 7, thành phố C điện thoại cho Phạm Minh H hỏi mua 500.000đồng ma túy đá, H đồng ý và hỏi H giao ma túy ở tại nhà H. H đến điểm hẹn nhận 500.000đồng và đưa cho H phần ma túy đá. H đã sử dụng phần ma túy đá này hết.

Lần 9: cách lần 8 khoảng 03 ngày trong tháng 12-2015 (không rõ ngày), H điện thoại cho H nói đổi con gà trị giá 500.000đồng lấy một phần ma túy để sử dụng, H đồng ý và mang phần ma túy đến nhà đưa cho H phần ma túy và lấy con gà mang về. H đã sử dụng phần ma túy này hết.

Như vậy, H đã bán cho H 02 lần với 02 phần ma túy, thu số tiền 500.000đồng và 01 con gà trị giá 500.000đồng .

Lần 10: khoảng 02 giờ ngày 9 và 10-11-2016, Nguyễn Lê Anh D, sinh năm 1987, ngụ: nhà trọ M, đường T, phường 4, thành phố C sử dụng số điện thoại 01289500497 điện thoại cho H (số 0919667757) hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá, H đồng ý và nói D đến nhà H giao dịch. Khoảng 15 phút sau, H đến nơi đưa H 500.000đồng và nhận phần ma túy từ H. D mang phần ma túy này mang về nhà sử dụng hết.

Lần 11: vào khoảng 14 giờ khoảng ngày 16 hoặc 17-11-2016, Duy L đang ở nhà trọ Sang cùng Duy N, sinh năm 1997, ngụ tổ 1, khóm 12, phường 7, thành phố C hùn tiền mua ma túy đá về sử dụng, Duy L hùn 200.000đồng, Duy N hùn 300.000đồng. Duy N điện thoại cho H hỏi mua 500.000đồng ma túy đá,

H đồng ý và kêu đến nhà giao dịch. Lúc này, Duy N chở Duy L đến cách nhà H khoảng 10m thì gặp H đi đến, Duy Nc đưa H 500.000đồng và H ném bịch ma túy đá xuống đất để Duy N nhặt. Cả hai mang phần ma túy về nhà trọ Sang sử dụng hết.

Lần 12: khoảng 17 giờ ngày 23-11-2016, Duy L và Duy N mỗi người hùn 250.000đồng để mua ma túy sử dụng. Duy N điện thoại cho H hỏi mua 500.000đồng ma túy đá, H đồng ý và kêu đến nhà giao dịch. Lúc này, Duy N chở Duy L đến cặp hong nhà H thì gặp H và T (không rõ nhân thân), T kêu Duy N đưa tiền, Duy N đưa T 500.000đồng và nhận lại phần ma túy đá từ T, Cả hai mang phần ma túy về nhà trọ Sang sử dụng hết.

Lần 13: khoảng 21 giờ ngày 30-11-2016, Duy L đưa cho Duy N 500.000đồng kêu Duy N gặp H mua ma túy đá về sử dụng. Duy N điện thoại cho H hỏi mua 500.000đồng ma túy đá, H đồng ý và kêu đến nhà giao dịch. Đến nơi, Duy N đưa 500.000đồng và nhận lại phần ma túy đá từ H mang về nhà Duy N cùng Duy L sử dụng hết.

Như vậy, H đã bán cho Nguyễn Lê Anh D và Nguyễn Quang D 04 lần với 04 phần ma túy, thu số tiền 2.000.000đồng.

Trong quá trình điều tra, Phạm Minh H thừa nhận chỉ bán ma túy cho Trần Thị Kim N 01 lần (lần 2), khai nhận bản thân có sử dụng ma túy đá chung người bạn tên T (không rõ nhân thân) tại TP. Hồ Chí Minh. Đối với cây cồng là do mua trên mạng Zalo với số tiền 400.000đồng, 02 bộ dụng cụ tự chế (nỏ) là của H để sử dụng ma túy, xe mô tô Yamaha Exciter biển số 66L1-353.46 cùng các giấy đăng ký xe là của T đem cầm cố thế chấp cho H để vay tiền nhưng không làm hợp đồng hay biên nhận, điện thoại di động Nokia 8600 màu đen (không sim số) và Iphone 6Plus màu trắng có sim 0949445677 là tài sản cá nhân của H.

Tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản phạm tội quả tang; các biên bản khám xét thu giữ vật chứng; Kết luận giám định; Biên bản kiểm tra điện thoại; Biên bản đối chất; Biên bản nhận dạng; Biên bản ghi lời khai các nhân chứng có đủ căn cứ xác định Phạm Minh H đã thực hiện hành vi mua bán ma túy như nội dung đã nêu và bác bỏ lời khai chối tội của bị can H.

Đối với hành vi tàng trữ chất ma túy của Trần Thị Kim N, do không đủ định lượng nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Trần Thị Kim N 01 điện thoại Mobell màu đỏ và 01 điện thoại Mobell màu đỏ, cùng sim số 0921237334.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 66L1-353.46 do anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1960, ngụ ấp 3, xã B, huyện CL đứng tên sở hữu đã bán cho anh Nguyễn Văn T sinh năm 1990, ngụ tổ 43, khóm 8, phường 6, TP. C, nhưng chưa sang tên. Ngày 19/12/2016, anh T đem xe thế chấp cho H vay 32.000.000 đồng. Trong thời gian nhận thế chấp, không được sự đồng ý của T, nhưng H tự ý lấy xe này làm phương tiện giao ma túy, thì bị bắt quả tang. Hiện nay, H đồng ý trả lại xe cho T và T sẽ trả lại số tiền 32.000.000 đồng cho H.

Đối với các giấy các giấy đăng ký xe mô tô gồm: 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 66P1-693.76 tên Đinh Tiên H; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 66P1-094.33 tên Mai Hồng Nguyệt T; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 66P1-423.23

tên Bùi Thị Ánh N; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 66P1-351.19 tên Quách L; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 66G1-199.11 tên Lê Công T là của chủ xe đem đem cầm cố thế chấp cho bị can H để vay tiền, không có liên quan đến vụ án, thì giao Cơ quan điều tra công an TP C để xác minh làm rõ và xử lý riêng.

Tại cáo trạng số 70/CT- VKS ngày 29-8-2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh đã truy tố **Phạm Minh H** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, từ đó Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Minh H.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Minh H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Chính bị cáo đã có hành vi bán ma túy thu lợi như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 12-2015 đến ngày 21-12-2016, H đã bán 13 lần với 13 phần chất ma túy (Methamphetamine) cho Trần Thị Kim N, Nguyễn Văn T, Hồ Văn S, Phạm Băng S, Nguyễn Lê Thanh T, Lê Tấn H, Nguyễn Lê Anh D, Nguyễn Quang D, thu được số tiền 11.100.000đồng và 01 con gà trị giá bằng 500.000đồng. Đến ngày 21-12-2016, khi đang bán ma túy cho Trần Thị Kim N thì bị bắt quả tang với tổng trọng lượng chất ma túy (Methamphetamine) thu giữ được là 2,7771 gram thì bị bắt xử lý.

Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản phạm tội quả tang, kết luận giám định, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo là có tội và đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, được quy định tại điểm b khoản 2, Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại Điều 194 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

.....

b) Phạm tội nhiều lần;

.....

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được ma túy là loại độc tố nếu sử dụng sẽ bị ảnh hưởng đến sức khỏe, trí tuệ và hạnh phúc gia đình; nó còn là nền móng phát sinh nhiều tội phạm khác như trộm

cắp, cướp giật tài sản, giết người cướp của .v.v.. Từ tác hại đó, Nhà nước nghiêm cấm tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, nhằm bảo vệ sức khỏe và hạnh phúc cho mọi người. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự xã hội, quản lý trị an của các Cơ quan Nhà nước, đã bị quần chúng nhân dân bất bình và lên án.

Bị cáo với tuổi đời còn rất trẻ, có sức khỏe và nghề nghiệp ổn định, đáng lý ra bị cáo phải biết lựa chọn cho mình một cách sống lành mạnh chăm lo lao động xây dựng một tương lai tươi sáng, nhưng trái lại bị cáo lại lao vào con đường nghiện ngập và mua bán trái phép ma túy. Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo, trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội sau này. Đồng thời cũng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; về nhân thân bị cáo chưa có tiền sự, tiền án; đã đóng tiền thu lợi bất chính xong để khắc phục hậu quả; bị cáo có bà ngoại là Vũ Thị T được tặng huân chương kháng chiến hạng nhất. Do đó, cần áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Minh H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Minh H** với mức án từ 7 năm đến 9 năm tù.

Bị cáo mua bán nhỏ lẻ, chỉ mang tính tự phát và chưa thu được lợi nhuận nhiều nên không áp dụng khoản 5 điều 194 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng đề nghị Tòa án tuyên như phần quyết định của bản cáo trạng đã nêu.

Xét thấy lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Đối với Trần Thị Kim N, Nguyễn Văn T, Hồ Văn S, Phạm Bằng S, Nguyễn Lê Thanh T, Nguyễn Lê Anh D, Nguyễn Quang D là những người mua ma túy của Phạm Minh H để sử dụng. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến công an nơi cư trú của các đối tượng xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với Lê Tấn H trong thời gian chấp hành biện pháp hành chính đưa vào cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp đã bỏ trốn nên cơ sở điều trị nghiện đã có quyết định truy tìm

Riêng đối với các đối tượng tên T, H là những người giúp sức cho H bán ma túy, hiện nay chưa xác minh được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

*** Về vật chứng:** Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

- Đối với các vật chứng khác thu giữ là những vật cấm và sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần xem xét tịch thu tiêu hủy gồm: 2 phong bì với các ký hiệu 755/1, 755/2 cùng ngày 26-12-2016; 01 phong bì ký hiệu 750 ngày 26/12/2016; 02 bộ dụng cụ tự chế sử dụng ma túy đá; 01 cây cồng số 8 bằng kim loại màu trắng và 02 chìa khóa.

- Đối với 01 điện thoại 01 Iphone 6Plus màu trắng có sim 0949445677 của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần xem xét tịch thu sung vào quỹ Nhà nước.

- Buộc Phạm Minh H giao nộp 11.600.000đồng là số tiền có được từ việc phạm tội. Bị cáo đã nộp xong như sau: Cơ quan thi hành án đang giữ của bị cáo số tiền là 8.800.000 đồng, gia đình bị cáo đã nộp bổ sung số tiền 2.800.000 đồng theo biên lai số 003465 ngày 20-9-2017.

- Giao Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố C tiếp tục quản lý 01 điện thoại Nokia 8600 màu đen để đảm bảo Thi hành án.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Eciter màu đỏ- trắng, biển số 66L1-353.46, số máy G3D4E098391, số khung 0610FY087031 là của anh Nguyễn Văn T đem xe cầm cố cho H để vay số tiền 32.000.000 đồng, H tự ý lấy xe này làm phương tiện giao ma túy, anh T hoàn toàn không hay biết.

- + Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn T đề nghị giao trả xe lại cho anh T cùng 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 66F1-353.46 tên Nguyễn Văn D thì anh T đồng ý trả cho H số tiền 32.000.000 đồng.

- + Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Minh H cũng có yêu cầu anh Nguyễn Văn T trả số tiền 32.000.000 đồng lại cho bị cáo H và yêu cầu tiếp tục quản lý chiếc xe trên đến khi Nguyễn Văn T giao số tiền 32.000.000 đồng thì trả lại xe cho Nguyễn Văn T.

Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trả chiếc xe máy trên cho anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bị cáo Phạm Minh H số tiền 32.000.000 đồng.

*** Về án phí:** Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí:

- Buộc bị cáo Phạm Minh H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc Nguyễn Văn T phải chịu 1.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Minh H** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Minh H** 7 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 22-12-2016.

*** Về vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 2 phong bì với các ký hiệu 755/1, 755/2 cùng ngày 26/12/2016; 01 phong bì ký hiệu 750 ngày 26/12/2016; 02 bộ dụng cụ tự chế sử dụng ma túy đá; 01 cây cồng số 8 bằng kim loại màu trắng và 02 chìa khóa.

- Tịch thu sung vào quỹ Nhà nước 01 điện thoại 01 Iphone 6Plus màu trắng có sim 0949445677 thu giữ của bị cáo Phạm Minh H.

- Buộc Phạm Minh H nộp 11.600.000đồng là số tiền có được từ việc phạm tội. Bị cáo đã nộp xong như sau: Cơ quan thi hành án đang giữ của bị cáo số tiền là 8.800.000 đồng, gia đình bị cáo đã nộp bổ sung số tiền 2.800.000 đồng theo biên lai số 003465 ngày 20-9-2017.

- Giao Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố C tiếp tục quản lý 01 điện thoại Nokia 8600 màu đen để đảm bảo Thi hành án.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng điều 309; 311; 313 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu của bị cáo Phạm Minh H.

Buộc Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho Phạm Minh H số tiền 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Trả lại cho Nguyễn Văn T chiếc xe mô tô hiệu Eciter màu đỏ- trắng, biển số 66F1-353.46, số máy G3D4E098391, số khung 0610FY087031 đứng tên Nguyễn Văn D.

*** Về án phí:** Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí:

- Buộc bị cáo Phạm Minh H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc Nguyễn Văn T phải nộp 1.600.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh

Đồng Tháp. Riêng người liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. C;
- CA TP. C;
- THADS TP. C;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

Phạm Minh Tùng